

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

(*Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỒI KÉ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 32



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch	(bỏ nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2015)
Ông Huỳnh Đức Trường	Chủ tịch	(bỏ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015 và miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2015)
Ông Võ Tân Phong	Chủ tịch	(miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015)
Ông Trương Mạnh Thắng	Phó Chủ tịch	(miễn nhiệm ngày 24 tháng 9 năm 2015)
Ông Mai Quang Vinh	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Đức Trường	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Lịch	Phó Tổng Giám đốc	(bỏ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2015)
Ông Hồ Công Danh	Phó Tổng Giám đốc	(bỏ nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2015)
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2015)
Ông Nguyễn Văn Lịch	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2015)
Ông Nguyễn Văn Lịch	Phó Tổng Giám đốc	(bỏ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015)
Ông Nguyễn Quý Nhân	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kê toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Huỳnh Đức Trường
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2016



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 7 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan nhà nước có liên quan phê duyệt quyết toán. Do đó, chúng tôi chưa có đủ thông tin về giá trị sẽ được quyết toán và khoản chênh lệch (nếu có) so với giá trị ghi nhận trên khoản mục phải thu khác này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

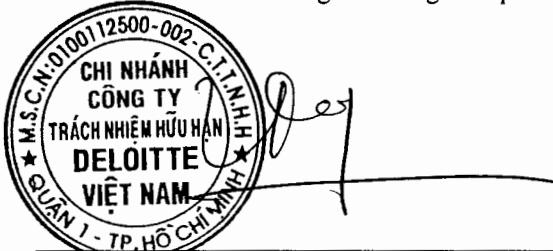
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến khoản mục “Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn” với số tiền là 11.860.385.823 đồng. Trong năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc thoái vốn khoản đầu tư tài chính vào này. Do đó, Công ty đã hoàn nhập toàn bộ khoản dự phòng này trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty tạm ngưng phân bổ chi phí trả trước dài hạn liên quan đến giá trị lợi thế vị trí địa lý phát sinh từ cổ phần hóa từ năm 2014 và đã gửi hồ sơ đề nghị khấu trừ theo quy định với các cơ quan thuế địa phương và các cơ quan có thẩm quyền để xem xét áp dụng quy định theo Nghị định 189/2013/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 18 tháng 7 năm 2011 về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần và Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2014.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0733-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1178-2013-001-1



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		458.667.759.012	799.240.639.315
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.261.641.184	23.322.493.346
1. Tiền	111	5	12.261.641.184	23.322.493.346
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		345.505.374.555	521.151.334.974
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	775.030.678.926	934.924.210.545
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.998.892.025	9.423.270.233
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	194.624.480.762	191.319.628.955
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(626.295.931.184)	(614.906.362.310)
5. Tài sản thiêu chờ xử lý	139		147.254.026	390.587.551
III. Hàng tồn kho	140	9	60.711.664.326	189.108.336.514
1. Hàng tồn kho	141		60.711.664.326	206.909.504.835
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(17.801.168.321)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		40.189.078.947	65.658.474.481
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.519.669.450	685.918.844
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19	38.669.409.497	64.922.486.449
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	-	50.069.188
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.165.207.232.605	1.235.145.234.078
I. Tài sản cố định	220		674.292.438.808	705.974.448.037
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	404.177.552.887	434.122.754.356
- Nguyên giá	222		612.680.466.832	607.895.889.054
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(208.502.913.945)	(173.773.134.698)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	270.114.885.921	271.851.693.681
- Nguyên giá	228		275.888.122.114	275.888.122.114
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.773.236.193)	(4.036.428.433)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		74.857.454.766	90.889.495.472
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	74.857.454.766	90.889.495.472
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		156.139.294.496	190.086.892.981
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	74.447.968.267	74.447.968.267
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	83.296.193.438	110.803.703.566
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	31.318.364.282	51.267.080.881
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16	(32.923.231.491)	(46.431.859.733)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		259.918.044.535	248.194.397.588
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	259.918.044.535	248.194.397.588
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.623.874.991.617	2.034.385.873.393

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

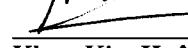
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

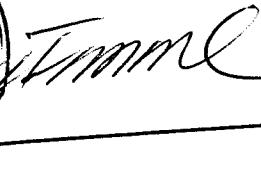
MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		758.429.525.728	1.110.311.110.129
I. Nợ ngắn hạn	310		758.429.525.728	1.110.311.110.129
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	684.181.582.506	1.213.486.496.287
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.891.855.078	7.598.555.063
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	54.999.991.961	17.830.434.929
4. Phải trả người lao động	314		10.559.898.909	7.232.606.982
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	824.393.937	9.121.332.401
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	(28.196.663)	(8.460.303)
7. Quỹ bình ổn giá	323	22	-	(144.949.855.230)
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		865.445.465.889	924.074.763.264
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	865.445.465.889	924.074.763.264
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.488.774.701.456	2.488.774.701.456
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		2.488.774.701.456	2.488.774.701.456
2. Lỗ lũy kế	421		(1.623.329.235.567)	(1.564.699.938.192)
- <i>Lỗ lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		(1.564.750.368.927)	(1.410.040.816.441)
- <i>Lỗ năm nay</i>	421b		(58.578.866.640)	(154.659.121.751)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.623.874.991.617	2.034.385.873.393


Khru Kim Huê
Người lập biểu


Bùi Minh Hiệp
Kế toán trưởng




Huynh Đức Trường
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2016

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

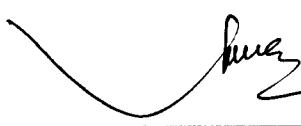
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	3.958.365.075.684	4.492.474.342.514
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	3.958.365.075.684	4.492.474.342.514
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	3.868.718.094.197	4.467.803.036.651
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		89.646.981.487	24.671.305.863
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	36.805.715.874	20.876.288.350
7. Chi phí tài chính	22	31	(5.164.220.515)	6.888.656.783
8. Chi phí bán hàng	25	27	146.901.149.452	130.508.364.565
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	46.025.466.331	69.171.892.792
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(25+26)]	30		(61.309.697.907)	(161.021.319.927)
11. Thu nhập khác	31		2.867.541.916	20.376.025.521
12. Chi phí khác	32		136.710.649	13.357.591.401
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.730.831.267	7.018.434.120
14. Lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(58.578.866.640)	(154.002.885.807)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	-	656.235.944
16. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(58.578.866.640)	(154.659.121.751)


Khưu Kim Huê
Người lập biểu


Bùi Minh Hiệp
Kế toán trưởng




Nguyễn Đức Trường
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2016

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ trước thuế	01	(58.578.866.640)	(154.002.885.807)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	36.448.850.647	34.764.471.018
Các khoản dự phòng	03	(19.920.227.689)	25.027.668.250
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(22.289.280)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.841.691.500)	(4.241.926.391)
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(50.891.935.182)	(98.474.962.210)
Thay đổi các khoản phải thu	09	322.311.165.436	3.558.383.848
Thay đổi hàng tồn kho	10	146.197.840.509	(36.742.852.516)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(475.008.151.831)	(34.951.092.978)
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.980.602.447	7.086.959.950
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(1.570.424.290)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	23.564.530
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(55.412.478.621)	(161.070.423.666)
II. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21	(10.430.968.033)	(18.261.289.704)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	15.554.722.940
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	47.456.226.727	68.744.970.032
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.376.798.500	14.509.224.132
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	44.402.057.194	80.547.627.400
III. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(50.430.735)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(50.430.735)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(11.060.852.162)	(80.522.796.266)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60	23.322.493.346	103.846.327.180
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(1.037.568)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm (70=50+60)	70	12.261.641.184	23.322.493.346

Khưu Kim Huệ
Người lập biểu

Bùi Minh Hiệp
Kế toán trưởng



Huỳnh Đức Trường
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2016

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec.

Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 3076/BB-DKVN được phê duyệt bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định Giá Miền Nam và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec thì giá trị của Công ty được xác định cho mục đích cổ phần hóa là 2.606.204.995.730 đồng vào ngày 30 tháng 6 năm 2010. Theo Quyết định số 3080/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec thành Công ty Cổ phần với vốn điều lệ là 2.600.000.000.000 đồng. Công ty được cổ phần hóa vào ngày 18 tháng 5 năm 2011 và trở thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0300649476 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp cùng ngày, và giấy Chứng nhận điều chỉnh. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định thời điểm chính thức hoạt động của Công ty cổ phần và cũng là thời điểm chuyển giao tất cả quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec trước đây sang Công ty cổ phần là từ ngày 18 tháng 5 năm 2011.

Ngày 09 tháng 4 năm 2013, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN") và Tổng Công ty Dầu Việt Nam ("PV Oil") ký kết hợp đồng chuyển quyền sở hữu cổ phần của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Công ty cổ phần ("Petec"). Theo đó, PVN đồng ý chuyển nhượng 246.425.100 cổ phần cùng với toàn bộ quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của PVN tương ứng với tỷ lệ cổ phần chuyển nhượng trong Petec cho PV Oil.

Ngày 26 tháng 4 năm 2013, Công ty đã cấp giấy chứng nhận cổ đông cho PV Oil theo hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn tại Công ty từ PVN sang PV Oil.

Tổng số nhân viên của Công ty Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 491 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 526 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là xuất nhập khẩu, tổ chức kinh doanh buôn xăng dầu; chi tiết xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ; xuất nhập khẩu phân bón; cung cấp dịch vụ hàng hải bao gồm đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bán lẻ Nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ xăng dầu); đại lý tiêu thụ hàng hóa, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy, hải sản; kinh doanh vận tải xăng dầu đường bộ; kinh doanh vận tải xăng dầu đường thủy.

Ngày 31 tháng 5 năm 2013, Bộ Công Thương đã ban hành Công văn số 3548/QĐ-BCT thu hồi giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu của Công ty. Theo đó, Công ty không còn là thương nhân đầu mối nhập khẩu xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Chu kỳ hoạt động, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách công ty con :

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên An Pha Vĩnh Long
- Công ty Cổ phần Cà Phê Petec
- Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu

Danh sách công ty liên doanh liên kết :

- Công ty Cổ phần Petec Bình Định
- Công ty Cổ phần Thương nghiệp Bạc Liêu
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận
- Công ty Cổ phần Kho vận Petec

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Hải Phòng
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP - Xí nghiệp Xăng dầu An Hải
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Thái Bình
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Bình Định
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Quảng Trị
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Quảng Nam
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP - Xí nghiệp Xăng dầu Petec Hòa Hiệp Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Cần Thơ
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Tây Ninh
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Bạc Liêu
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Vĩnh Long
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP - Xí nghiệp Xăng dầu Petec Cái Mép
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Sài Gòn
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Ninh Thuận
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Long An
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Hậu Giang
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Cà Mau
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Bình Thuận
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Vũng Tàu
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Trà Vinh
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Bình Phước
- Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Lâm Đồng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính riêng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ánh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng hoá và chi phí thu mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ giá trị sổ sách của hàng tồn kho cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc
Máy móc và thiết bị
Phương tiện vận tải
Thiết bị văn phòng
Tài sản cố định khác

Số năm
5-15
6-15
5-15
3-6
25

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nguyên giá và hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất có thời hạn và không thời hạn và phần mềm quản lý.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế trong khi quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

Phần mềm quản lý được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm quản lý là 5 năm.

Đối với tài sản cố định vô hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chủ yếu giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là thời điểm có quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp (bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất Công ty đang thuê và giá trị thương hiệu). Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã tạm ngưng phân bổ chi phí trả trước dài hạn liên quan đến giá trị lợi thế vị trí địa lý phát sinh từ cổ phần hóa từ năm 2014.

Chi phí trả trước dài hạn khác là tiền thuê đất dài hạn thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê; chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, sửa chữa tài sản, chi phí logo bảng hiệu và công cụ dụng cụ khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

5. TIỀN

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Tiền mặt	480.388.122	1.121.095.880
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	<u>11.781.253.062</u>	<u>22.201.397.466</u>
	<u>12.261.641.184</u>	<u>23.322.493.346</u>

Một số tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (“Ocean Bank”) bị tạm khoanh giữ với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 909,32 Đô la Mỹ, 24,01 Euro và 385.259.206 đồng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	87.946.610.123
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	77.865.356.829
Công ty Cổ phần ĐT và PT Xăng dầu Tiền Phong	124.251.939.885	124.251.939.885
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc	124.164.578.894	124.164.578.894
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	14.851.122.000	97.567.431.776
Các khoản phải thu khách hàng khác	<u>345.951.071.195</u>	<u>423.128.293.038</u>
	<u>775.030.678.926</u>	<u>934.924.210.545</u>
Dự phòng phải ngắn hạn thu khó đòi	<u>(626.295.931.184)</u>	<u>(614.906.362.310)</u>
	<u>148.734.747.742</u>	<u>320.017.848.235</u>
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 35)	<u>62.180.220.340</u>	<u>42.617.964.752</u>

Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 35)

Như trình bày tại Thuyết minh số 8, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng nợ phải thu quá hạn là 681.357.090.425 đồng, trong đó tổng nợ quá hạn mà Công ty đã khởi kiện là 666.618.801.968 đồng. Do đó, để đảm bảo rủi ro về mặt tài chính có thể xảy ra liên quan đến các khoản nợ quá hạn, Công ty đã căn cứ vào hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 và ước tính về khả năng thu hồi của các khoản nợ này để trích lập dự phòng công nợ sau khi trừ tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản dự phòng được ghi nhận trên báo cáo tài chính đủ để ghi giảm giá trị của các tài sản này xuống giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	170.283.513.359	172.650.526.381
Phải thu đèn bù giải tỏa kho Thốt Nốt	10.451.288.931	13.138.480.046
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	2.766.000.000	3.030.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	3.482.934.400	-
Công ty TNHH Dầu Nam Dũng	1.873.249.401	-
Các khoản tạm ứng	876.663.017	649.445.756
Các khoản ký quỹ	71.500.000	39.500.000
Phải thu khác	<u>4.819.331.654</u>	<u>1.811.676.772</u>
	<u>194.624.480.762</u>	<u>191.319.628.955</u>

02-C.T.L.
H
Y
U HẠN
TE
M
CHI MINH

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SÓ B 09-DN

Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thể hiện:

- (1) Khoản lỗ lũy kế từ thời điểm đánh giá lại giá trị doanh nghiệp từ ngày 30 tháng 6 năm 2010 đến 18 tháng 5 năm 2011 với số tiền 169.785.513.359 đồng theo báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) khi Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH Một thành viên (MTV) sang Công ty Cổ phần. Khoản lỗ này vẫn chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan Nhà nước có liên quan phê duyệt quyết toán.
- (2) Chi phí phát sinh liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp còn phải thu lại từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền 498.000.000 đồng.

8. NỢ XÂU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Trần Thành	-	-	6.048.827.781	6.048.827.781
Công ty Cổ phần Cà phê PETEC	11.670.974.076	11.670.974.076	11.670.974.076	11.670.974.076
Công ty TNHH TMDV Dầu khí Anh Thúy	12.335.735.875	12.335.735.875	14.145.735.875	7.426.181.122
Công ty Cổ phần Song Phát	26.371.285.621	-	31.843.949.021	13.854.229.986
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	14.440.277.121	14.440.277.121	21.440.277.121	21.440.277.121
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Ninh Bình	9.985.271.972	3.354.470.000	9.985.271.972	6.669.870.986
Công ty Cổ phần Bất động sản & Kỹ thuật Xăng dầu	9.037.127.459	9.037.127.459	11.304.162.991	11.304.162.991
Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc Tế Việt Nam	70.088.298.311	-	70.088.298.311	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xăng dầu Tiên Phong	124.251.939.885	-	124.251.939.885	-
Công ty Cổ phần Dầu khí và Chát đốt Miền Bắc	124.164.578.894	-	124.164.578.894	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cẩm Giàng	20.010.740.366	-	20.010.740.366	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm	77.865.356.829	-	77.865.356.829	-
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông	87.946.610.123	-	87.946.610.123	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Vũ Anh	43.257.741.001	-	58.257.741.001	15.000.000.000
Khách hàng khác	55.403.806.860	9.695.228.678	95.887.049.750	56.590.627.623
	686.829.744.393	60.533.813.209	764.911.513.996	150.005.151.686

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá gốc VND	Dư phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.899.871.552	-	2.041.206.634	-
Công cụ, dụng cụ	673.777.651	-	818.620.244	-
Hàng hóa	58.138.015.123	-	204.049.677.957	(17.801.168.321)
	60.711.664.326	-	206.909.504.835	(17.801.168.321)

CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

TUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Đây là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	542.559.682.211	20.617.817.033	41.186.320.565	3.088.660.247	443.408.998	607.895.889.054
Mua trong năm	400.000.000	-	-	77.000.000	-	477.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.828.299.182	66.363.636	2.835.137.960	-	-	4.729.800.778
Giảm khác	422.223.000	-	-	-	-	422.223.000
Tại ngày 31/12/2015	<u>544.365.758.393</u>	<u>20.684.180.669</u>	<u>44.021.458.525</u>	<u>3.165.660.247</u>	<u>443.408.998</u>	<u>612.680.466.832</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	131.167.000.573	11.320.324.030	28.549.970.691	2.414.795.194	321.044.210	173.773.134.698
Khäu hao trong năm	29.982.110.430	1.896.531.050	2.464.709.996	368.691.411	17.736.360	34.729.779.247
Tại ngày 31/12/2015	<u>161.149.111.003</u>	<u>13.216.855.080</u>	<u>31.014.680.687</u>	<u>2.783.486.605</u>	<u>338.780.570</u>	<u>208.502.913.945</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	<u>383.216.647.390</u>	<u>7.467.325.589</u>	<u>13.006.777.838</u>	<u>382.173.642</u>	<u>104.628.428</u>	<u>404.177.552.887</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>411.392.681.638</u>	<u>9.297.493.003</u>	<u>12.636.349.874</u>	<u>673.865.053</u>	<u>122.364.788</u>	<u>434.122.754.356</u>

Khäu hao trong năm được ghi nhận:

Chi phí sản xuất kinh doanh trong năm
Quỹ phúc lợi hình thành tài sản cố định

34.712.042.887
17.736.360
34.729.779.247

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khäu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 41.630.163.890 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 31.798.991.416 đồng).



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm quản lý <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015 và 31/12/2015	272.433.845.586	3.454.276.528	275.888.122.114
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	2.831.356.809	1.205.071.624	4.036.428.433
Khấu hao trong năm	1.233.172.458	503.635.302	1.736.807.760
Tại ngày 31/12/2015	4.064.529.267	1.708.706.926	5.773.236.193
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	<u>268.369.316.319</u>	<u>1.745.569.602</u>	<u>270.114.885.921</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>269.602.488.777</u>	<u>2.249.204.904</u>	<u>271.851.693.681</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Công trình xây dựng cơ bản dở dang	57.340.964.585	57.340.964.291
- Kho cảng xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (giai đoạn 2)	56.164.171.321	56.164.171.321
- Khu đất Đàm Bà Tài - TP. Hải Phòng	820.562.061	820.562.061
- Sửa chữa nhà xuất xe bồn và hệ thống phòng cháy chữa cháy XN An Hải	356.231.203	356.230.909
Cửa hàng xăng dầu	16.918.181.817	32.954.222.817
Chi phí sửa chữa lớn	288.308.364	284.308.364
Khác	310.000.000	310.000.000
	<u>74.857.454.766</u>	<u>90.889.495.472</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Vốn điều lệ của các công ty con, tỷ lệ sở hữu và tình hình góp vốn vào các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Vốn điều lệ đã đăng ký 31/12/2015 <u>VND</u>	Vốn đã góp 31/12/2015 <u>VND</u>	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	30.000.000.000	24.256.787.384	58,75	58,75
Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha Vĩnh Long	10.000.000.000	40.000.000.000	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu	10.191.180.883	10.191.180.883	26,00	(*)
		<u>74.447.968.267</u>		

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	Thành phố Hồ Chí Minh	58,75	58,75	Kinh doanh xăng dầu, cà phê
Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	100,00	100,00	Kinh doanh dịch vụ kho bãi
Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu	Thành phố Hồ Chí Minh	26,00	26,00	Kinh doanh bất động sản và xăng dầu

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các *thuyết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng.

MẪU SỐ B 09-DN

(*) Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu (“Petec Land”), và theo đó Công ty không nắm giữ được hơn 50% quyền biểu quyết, nhưng Công ty có quyền kiểm soát Petec Land thông qua việc có đa số đại diện trong Hội đồng Quản trị thực hiện chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Petec Land. Theo đó, khoản đầu tư vào Petec Land được ghi nhận là khoản đầu tư vào công ty con trên báo cáo tài chính riêng.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	17,018,550,356	17,018,550,356
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Bạc Liêu	17,991,193,066	17,991,193,066
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận	27,387,133,149	27,387,133,149
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	-	10,000,000,000
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	20,899,316,867	20,899,316,867
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	-	17,507,510,128
	83,296,193,438	110,803,703,566

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	Tỉnh Bình Định	31,54	31,54	Kinh doanh xăng dầu, xi măng
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	44,72	44,72	Kinh doanh xăng dầu, bách hóa
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận	27,00	27,00	Kinh doanh xăng dầu, vật tư
Công ty Cổ phần Kho Vận Petec	Tỉnh Bình Dương	28,08	28,08	Kinh doanh vận tải, kho bãi

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Đầu tư chứng khoán		
+ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	5,726,652,839	5,726,652,839
+ Công ty Cổ phần Nghiên liệu Sài Gòn	990,042,839	990,042,839
Đầu tư góp vốn		
+ Công ty Cổ phần Âu Lạc	4,736,610,000	4,736,610,000
+ Công ty Cổ phần VLXD & Chất đốt Đồng Nai	25,591,711,443	45,540,428,042
+ Công ty Cổ phần TMDL XDDK Hà Giang	24,424,732,914	24,424,732,914
+ Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	1,166,978,529	1,166,978,529
	-	2,121,130,462
	-	17,827,586,137
	31,318,364,282	51,267,080,881



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

16. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự phòng đầu tư vào Công ty con	11.992.814.224	7.704.956.729
- Công ty cổ phần Cà phê Petec	4.113.799.816	-
- Công ty cổ phần Petecland	7.879.014.408	7.704.956.729
Dự phòng đầu tư vào Công ty liên kết	20.899.316.867	20.899.316.867
- Công ty cổ phần Kho vận Petec	20.899.316.867	20.899.316.867
Dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31.100.400	17.827.586.137
- Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn	31.100.400	-
- Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí Nam Định	-	17.827.586.137
	32.923.231.491	46.431.859.733

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi thế vị trí địa lý phát sinh từ cổ phần hóa	217.625.795.440	217.625.795.440
Giá trị thương hiệu phát sinh từ cổ phần hóa	3.772.001.384	4.363.687.520
Chi phí trả trước dài hạn khác	38.520.247.711	26.204.914.628
	259.918.044.535	248.194.397.588

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa thể hiện giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê trả tiền hàng năm ghi nhận vào giá trị Công ty khi cổ phần hóa ngày 18 tháng 5 năm 2011. Nghị định 189/2013/NĐ-CP, ngày 20 tháng 11 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần quy định “Đối với các doanh nghiệp đã xác định giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê vào giá trị doanh nghiệp và hạch toán tăng phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được cấp có thẩm quyền công bố giá trị doanh nghiệp theo quy định trước ngày Nghị định số 59/2011/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp của doanh nghiệp cổ phần hóa”. Nghị định 189 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và được hướng dẫn thực hiện tại Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2014 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 10 năm 2014. Hiện Công ty đã gửi hồ sơ đề nghị khấu trừ theo quy định với các cơ quan thuế địa phương và các cơ quan có thẩm quyền để xem xét áp dụng quy định theo Nghị định 189 trong năm 2015. Công ty đã nộp tiền thuê đất và ghi nhận chi phí tương ứng trong năm 2015 và tạm ngưng phân bổ chi phí trả trước dài hạn liên quan đến giá trị lợi thế vị trí địa lý phát sinh từ cổ phần hóa từ năm 2014.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	674.323.095.430	1.181.038.715.718
Các nhà cung cấp khác	9.858.487.076	32.447.780.569
	684.181.582.506	1.213.486.496.287
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 35)	674.323.095.430	1.183.892.664.561

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các *thuyết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với *báo cáo tài chính riêng*

MẪU SỐ B 09-DN

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm <u>VND</u>	Số phải thu/ phải nộp trong năm <u>VND</u>	Số đã cấn trừ/ đã nộp trong năm <u>VND</u>	Số cuối năm <u>VND</u>
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	64.922.486.449	162.345.629.689	(188.598.706.641)	38.669.409.497
b. Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	513.543.262	38.104.416.723	(33.177.883.553)	5.440.076.432
Thuế thu nhập cá nhân	75.852.979	491.890.120	(424.201.620)	143.541.479
Thuế bảo vệ môi trường	17.190.969.500	502.542.805.358	(470.317.400.808)	49.416.374.050
	17.780.365.741	541.139.112.201	(503.919.485.981)	54.999.991.961
<u>Trong đó:</u>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	50.069.188	-	-	-
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	17.830.434.929			54.999.991.961

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp & kinh phí công đoàn	101.458.628	301.063.986
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	2.367.013.022
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV OIL)	332.652.906	6.235.585.283
Phải trả khác	390.282.403	217.670.110
	824.393.937	9.121.332.401

21. QUÝ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Quý khen thưởng	61.213.572	61.213.572
Quý phúc lợi chi vượt	(194.038.663)	(192.038.663)
Quý phúc lợi hình thành tài sản cố định	104.628.428	122.364.788
	(28.196.663)	(8.460.303)

22. QUÝ BÌNH ÔN GIÁ XĂNG DẦU

Số dư Quỹ bình ổn giá của Công ty được chuyển về Tổng Công ty Dầu Việt Nam theo Biên bản kiểm tra, xử lý Quỹ bình ổn giá tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam ngày 29 tháng 5 năm 2015 của đoàn Công tác kiểm tra liên ngành – Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2015 <u>Số cổ phần</u> <u>VND</u>	31/12/2014 <u>Số cổ phần</u> <u>VND</u>
Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	260.000.000	2.600.000.000.000
Đã góp vốn	248.877.470	2.488.774.701.456
Chưa góp	11.122.530	111.225.298.544

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn góp của chủ sở hữu chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Dầu Việt Nam góp đủ do chưa thực hiện quyết toán vốn liên quan đến cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại và Kỹ thuật Đầu tư Petec.

Công ty chi phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phiếu phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Cổ phiếu

	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	248.877.470	248.877.470
+ Cổ phiếu phổ thông	248.877.470	248.877.470
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	248.877.470	248.877.470
+ Cổ phiếu phổ thông	248.877.470	248.877.470

Danh sách cổ đông tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ %	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.353.025.701.456	94.55	2.353.025.701.456	94.55
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	64.792.860.000	2.60	64.792.860.000	2.60
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	5.490.270.000	0.22	5.490.270.000	0.22
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	3.787.680.000	0.15	3.787.680.000	0.15
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	3.388.970.000	0.14	3.388.970.000	0.14
Ông Nguyễn Văn Tuấn	2.990.270.000	0.12	2.990.270.000	0.12
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	2.790.920.000	0.11	2.790.920.000	0.11
Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ Thuật Xăng dầu	2.491.890.000	0.10	2.491.890.000	0.10
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ Đức	1.993.510.000	0.08	1.993.510.000	0.08
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	1.993.510.000	0.08	1.993.510.000	0.08
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng	1.993.510.000	0.08	1.993.510.000	0.08
Công ty Cổ phần Dịch vụ và TM Hải Bình	1.495.130.000	0.06	1.495.130.000	0.06
Công ty Cổ phần Âu Lạc	1.000.000.000	0.04	1.000.000.000	0.04
Cổ đông khác	41.540.480.000	1.67	41.540.480.000	1.67
Tổng cộng	2.488.774.701.456	100	2.488.774.701.456	100

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	2.488.774.701.456	(1.409.993.062.546)	1.078.781.638.910
Lỗ trong năm	-	(154.659.121.751)	(154.659.121.751)
Chia lợi nhuận	-	(47.753.895)	(47.753.895)
Số dư tại ngày 31/12/2014	2.488.774.701.456	(1.564.699.938.192)	924.074.763.264
Lỗ trong năm	-	(58.578.866.640)	(58.578.866.640)
Chia lợi nhuận		(50.430.735)	(50.430.735)
Số dư tại ngày 31/12/2015	2.488.774.701.456	(1.623.329.235.567)	865.445.465.889

500-0
NHÂN
NG TY
HIỆM HU
OTT
TP.Hồ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KÉ TOÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ của khách hàng (VND)	341.733.871.840	548.183.809.783
2. Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	3.318	3.325
Euro (EUR)	348	358
Đô la Singapore (SGD)	404	425

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2015</u> <u>VND</u>	<u>2014</u> <u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa xăng dầu	3.900.716.329.187	4.454.443.259.260
Doanh thu bán hàng kinh doanh tổng hợp	21.011.281.349	5.116.823.217
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.637.465.148	32.914.260.037
	3.958.365.075.684	4.492.474.342.514
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 35)	489.095.598.304	1.263.684.574.311

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2015</u> <u>VND</u>	<u>2014</u> <u>VND</u>
Giá vốn của xăng dầu đã bán	3.847.479.364.565	4.458.878.518.286
Giá vốn của hàng hóa đã bán	21.238.729.632	8.924.518.365
	3.868.718.094.197	4.467.803.036.651

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>2015</u> <u>VND</u>	<u>2014</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên	61.205.842.663	51.234.704.386
Chi phí vật liệu	2.584.879.620	3.689.196.494
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	8.593.911.983	5.455.077.097
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.629.004.370	32.622.037.173
Thuế, phí và lệ phí	160.410.101	252.630.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.728.777.580	21.831.149.387
Chi phí vận chuyển, bốc xếp, giao nhận	5.982.115.485	5.177.984.387
Chi phí bán hàng khác	9.016.207.650	10.245.584.806
	146.901.149.452	130.508.364.565



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	13.443.999.630	17.073.058.580
Chi phí vật liệu	927.494.347	1.288.998.119
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.944.947.606	3.006.277.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.290.485.803	2.276.997.198
Thuế, phí và lệ phí	1.827.563.386	4.926.497.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.920.655.854	4.298.100.017
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	11.389.568.874	26.157.792.604
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.280.750.831	10.144.170.867
	46.025.466.331	69.171.892.792

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.051.233.556	13.439.549.493
Chi phí nhân công	74.649.842.293	68.307.762.966
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.448.850.647	34.746.734.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.009.091.280	31.325.392.880
Chi phí khác	18.767.598.007	51.860.817.360
	192.926.615.783	199.680.257.357

Chi phí kinh doanh theo yếu tố không bao gồm giá vốn hàng bán hoạt động thương mại.

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	324.350.020	384.172.489
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.841.691.500	14.509.224.132
Lãi thanh lý đầu tư	27.562.077.845	5.909.963.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	77.596.509	50.639.449
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	22.289.280
	36.805.715.874	20.876.288.350

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	36.585.300	2.333.045
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	4.885.006.786	19.452.623.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(13.508.628.242)	(18.931.292.675)
Chi phí tài chính khác	3.422.815.641	6.364.993.413
	(5.164.220.515)	6.888.656.783



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MÃU SỐ B 09-DN

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Lỗ kê toán trước thuế	(58.578.866.640)	(154.002.885.807)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(8.727.194.838)	(14.531.513.412)
<i>Có tức, lợi nhuận được chia</i>	(8.542.612.500)	(14.509.224.132)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện 2015</i>	(184.582.338)	(22.289.280)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	211.571.975	1.002.074.284
<i>Tiền phạt</i>	138.643.246	936.121.951
<i>Chi phí không có hóa đơn chứng từ</i>	-	62.150.895
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá năm ngoài chưa tính thuế</i>	72.928.729	3.801.438
Lỗ tính thuế	(67.094.489.503)	(167.532.324.935)
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản		2.982.890.656
Lỗ tính thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh	(67.094.489.503)	(170.515.215.591)
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	656.235.944

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập tính thuế theo quy định hiện hành. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 1.988.594.937.943 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.921.500.448.440 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ này vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Các khoản lỗ tính thuế <u>VND</u>
2016	375.284.173.111
2017	883.416.661.595
2018	492.284.398.143
2019	170.515.215.591
2020	67.094.489.503
	1.988.594.937.943

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khác vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cở sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

33. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Trong kỳ, Công ty có ký các hợp đồng thuê các kho bãi với Công ty TNHH MTV Xăng dầu An pha Vĩnh Long với chi phí thuê từ tháng 01 năm 2015 đến tháng 5 năm 2015 là 250.000.000 VND/tháng, từ tháng 6 năm 2015 đến tháng 12 năm 2015 là 392.000.000 VND/tháng để bảo quản xăng dầu cũng như dự trữ hàng để bán. Ngoài ra, Công ty còn ký hợp đồng thuê kho với Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) và các đơn vị thành viên với phí thuê kho hàng tháng được tính căn cứ vào số lượng xăng dầu nhập, xuất và tồn nhân với đơn giá 5 VND/lít 15 độ C cho phí bơm rót; 16 VND/lít 15 độ C cho tiếp nhận hàng và đồng/lít 15 độ C (bình quân tháng) cho phí bảo quản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty là phần vốn thuộc các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu trừ đi lỗ lũy kế)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	12.261.641.184	23.322.493.346
Phải thu khách hàng và phải thu khác	342.482.565.487	324.899.025.007
Đầu tư dài hạn khác	31.287.263.882	33.439.494.744
Tổng	386.031.470.553	381.661.013.097
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	684.890.486.970	1.222.089.094.592
Tổng	684.890.486.970	1.222.089.094.592

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá và giá cả. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

002
ÁNH
TY
HỮU
TẾ
AM
ÔCHÍ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Nợ phải trả	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Đô la Mỹ (USD)	3.188.441.103	3.176.667.842	-	-
Euro (EUR)	8.877.204	9.132.286	-	-
Đô la Singapore (SGD)	<u>6.397.222</u>	<u>6.727.578</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Tổng Giám đốc xác định là 2%. Khi đó, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại cuối năm.

Phân tích biến động rủi ro tỷ giá cho Đô la Mỹ, EUR và SGD không có ảnh hưởng trọng yếu đến lỗ trước thuế của Công ty.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có khoản rủi ro tín dụng khá lớn từ các khách hàng kinh doanh xăng dầu như trình bày tại Thuyết minh số 6.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng.

MÃU SỐ B 09-DN

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1- 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tiền	12.261.641.184	-	12.261.641.184
Phải thu khách hàng và phải thu khác	342.482.565.487	-	342.482.565.487
Đầu tư dài hạn khác	-	31.287.263.882	31.287.263.882
Tổng cộng	354.744.206.671	31.287.263.882	386.031.470.553
Phải trả người bán và phải trả khác	684.890.486.970	-	684.890.486.970
Tổng cộng	684.890.486.970	-	684.890.486.970
Chênh lệch thanh khoản thuần	(330.146.280.299)	31.287.263.882	(298.859.016.417)
31/12/2014	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1- 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tiền	23.322.493.346	-	23.322.493.346
Phải thu khách hàng và phải thu khác	324.899.025.007	-	324.899.025.007
Đầu tư dài hạn khác	-	33.439.494.744	33.439.494.744
Tổng cộng	348.221.518.353	33.439.494.744	381.661.013.097
Phải trả người bán và phải trả khác	1.222.089.094.592	-	1.222.089.094.592
Tổng cộng	1.222.089.094.592	-	1.222.089.094.592
Chênh lệch thanh khoản thuần	(873.867.576.239)	33.439.494.744	(840.428.081.495)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, do một phần khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh 35. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ ĐƯỜNG VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)
Công ty Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu
(Petec Land)

- Công ty Cổ phần Cà phê Petec
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha Vĩnh Long
- Công ty Cổ phần Petec Bình Định
- Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Bạc Liêu
- Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận
- Công ty Cổ phần Kho vận Petec
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ Đức
- Công ty Cổ phần Dầu nhòn PV Oil
- Tổng Công ty Năng lượng Dầu khí Việt Nam
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam
- Công ty Cổ phần Dầu khí Mekong

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty con

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Công nghiệp Petec	-	1.059.559.593.625
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	18.190.209.483	33.255.388.727
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec	-	2.853.166.005
Công ty Cổ phần PETEC Bình Định	105.485.358.625	70.726.000.208
Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	20.326.611.326	-
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	87.709.877.840	75.088.539.086
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	258.474.702.356	38.563.044.781
Công ty Thương Mại Cổ Phần XNK Thủ Đức	<u>19.235.450.000</u>	<u>-</u>
Mua hàng		
Công ty Cổ Phần Xăng Dầu Dầu khí Hải Phòng	5.001.450.826	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	3.676.365.883.574	4.481.603.563.039
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	4.549.656.734	976.138.606
Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Dầu Khí Việt Nam	2.650.712.505	402.492.304
Công ty Cổ Phần Xăng Dầu Dầu khí Phú Yên	709.362.097	69.441.315
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Anpha Vĩnh Long	<u>3.994.000.000</u>	<u>1.466.016.597</u>
Lãi trả chậm		
Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)	<u>2.860.251.399</u>	<u>6.235.585.283</u>
Cỗ tức nhận từ		
Công ty liên kết	7.112.055.500	4.210.025.964
Đầu tư dài hạn	<u>1.430.530.000</u>	<u>-</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	18.610.984.245	18.678.166.961
Công ty Cổ phần Bất động sản & Kỹ Thuật Xăng dầu	11.304.162.991	11.304.162.991
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	3.915.283.810	1.151.250.761
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận	77.471.749	35.841.102
Công ty Cổ phần Kho vận Petec	7.475.585.524	10.501.445.023
Công ty Cổ Phần xăng dầu dầu khí Hải Phòng	-	29.621.736
Công ty Cổ Phần xăng dầu dầu khí Thái Bình	18.975.135	3.077.138
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	-	823.317.164
Công ty Cổ Phần Dầu nhớt PVOIL	22.237.702	852.391
Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	-	17.866.137
Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	105.811.240	171.857
Đơn vị vận chuyển PVOIL TRANS	1.623.930	15.012.674
Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	36.238.657	18.172.995
Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	198.056.747	12.764.459
Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	14.535.522.056	1.124.816
Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	287.316.284	24.485.402
Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	490.564	631.145
Công ty CP Xăng dầu dầu khí Thái Nguyên	67.278.681	-
Công ty CP Xăng dầu dầu khí PVOil Hải Phòng	<u>5.523.181.025</u>	<u>-</u>



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MÃU SỐ B 09-DN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	<u>170.283.513.359</u>	<u>172.650.526.381</u>
Các khoản phải trả		
Công ty TNHH MTV An Pha Vĩnh Long	674.456.954.204	1.183.892.664.561
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	- 673.827.115.127	165.233.957 1.181.038.715.718
Cty Cổ Phàn VTXD Dầu Khí VN (PVOil Trans)	395.921.924	2.634.901.580
Công ty Cổ Phàn Dầu khí Mê Kông	11.698.541	16.260.548
Công ty Cổ Phàn Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	3.436.507	2.937.357
Công ty Cổ Phàn Xăng dầu Dầu khí Vĩnh Long	-	3.022.463
Công ty Cổ Phàn Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	1.971.200
Công ty Cổ Phàn Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	8.985.965
Công ty Cổ Phàn Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	113.844.951	20.635.773
Công ty Cổ Phàn Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	<u>104.937.154</u>	-
Phải trả khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	<u>332.652.906</u>	-

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương thường và các khoản phúc lợi khác	<u>2.090.519.000</u>	<u>2.919.550.000</u>

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 6.489.198.111 đồng (năm 2014: 6.917.312.325 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

2500-
1 NHÀ
ĐÔNG T
NHIỄM
LỢI T
TP.H

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

TÀI SẢN	Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2014		Phân loại lại theo Thông tư 200	Số sau phân loại lại tại ngày 31/12/2014
	Mã số	VND		
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	799.240.639.315		799.240.639.315
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	520.071.801.667	1.079.533.307	521.151.334.974
3. Các khoản phải thu khác (*)	135	190.630.683.199	(190.630.683.199)	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	-	191.319.628.955	191.319.628.955
5. Tài sản thiêu chờ xử lý	139	-	390.587.551	390.587.551
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	66.738.007.788	(1.079.533.307)	65.658.474.481
4. Tài sản ngắn hạn khác (*)	158	1.079.533.307	(1.079.533.307)	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.235.145.234.078		1.235.145.234.078
I. Tài sản cố định	220	90.889.495.472	(90.889.495.472)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	230	90.889.495.472	(90.889.495.472)	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		90.889.495.472	90.889.495.472
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	90.889.495.472	90.889.495.472
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	236.518.752.714		236.518.752.714
1. Đầu tư vào công ty con	251	64.256.787.384	10.191.180.883	74.447.968.267
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	120.994.884.449	(10.191.180.883)	110.803.703.566
3. Đầu tư dài hạn khác (*)	258	51.267.080.881	(51.267.080.881)	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	51.267.080.881	51.267.080.881
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	2.034.385.873.393		2.034.385.873.393
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	1.110.311.110.129		1.110.311.110.129
I. Nợ ngắn hạn	310	1.255.260.965.359	(144.949.855.230)	1.110.311.110.129
1. Phải trả người bán (*)	312	1.213.486.496.287	(1.213.486.496.287)	-
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	-	1.213.486.496.287	1.213.486.496.287
2. Người mua trả tiền trước (*)	313	7.598.555.063	(7.598.555.063)	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	7.598.555.063	7.598.555.063
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	314	17.830.434.929	(17.830.434.929)	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	-	17.830.434.929	17.830.434.929
5. Phải trả người lao động (*)	315	7.232.606.982	(7.232.606.982)	-
4. Phải trả người lao động	314	-	7.232.606.982	7.232.606.982
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (*)	319	9.121.332.401	(9.121.332.401)	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	315	-	9.121.332.401	9.121.332.401
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	323	(8.460.303)	8.460.303	-
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	-	(8.460.303)	(8.460.303)
7. Quỹ bình ổn giá	323	-	(144.949.855.230)	(144.949.855.230)
II Nợ dài hạn	330	(144.949.855.230)	144.949.855.230	
2. Quỹ bình ổn xăng dầu (*)	340	(144.949.855.230)	144.949.855.230	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	924.074.763.264		924.074.763.264
I. Vốn chủ sở hữu	410	924.074.763.264		924.074.763.264
2. Lỗ lũy kế (*)	420	(1.564.699.938.192)	1.564.699.938.192	-
2. Lỗ lũy kế	421	-	(1.564.699.938.192)	1.564.699.938.192
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	2.034.385.873.393		2.034.385.873.393

(*) Những khoản mục này đã được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và không được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Doanh nghiệp báo cáo lại thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư này và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thuyết minh lý do là có sự thay đổi trong Chế độ kế toán doanh nghiệp.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

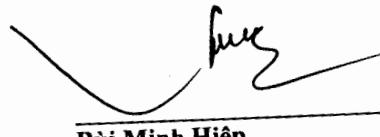
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng

MẪU SỐ B 09-DN

38. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 23 tháng 3 năm 2016.


Khruu Kim Huê
Người lập biểu


Bùi Minh Hiệp
Kế toán trưởng



Huyện Đức Trường
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2016

